

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐỨC HÒA
TỈNH LONG AN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 21/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 19/01/2024

“Về việc yêu cầu không công nhận
quan hệ vợ chồng”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC HÒA - TỈNH LONG AN

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Hiền

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Chí Lin

2. Ông Nguyễn Văn Hoàng

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Kiều Thị Tùng Khương - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Lê Hiền – Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

Trong ngày 19 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An đã tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 1265/2023/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 11 năm 2023 về việc “Yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 09/2024/QĐST-HNGĐ ngày 04 tháng 01 năm 2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Trương Văn Đ, sinh năm 1969;

Địa chỉ: ấp A, xã A, huyện Đ, tỉnh L.

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Ngọc D, sinh năm 1975.

Địa chỉ: ấp A, xã A, huyện Đ, tỉnh L.

(Ông Đ Bà D có Đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 10 tháng 11 năm 2023, trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Ông Trương Văn Đ trình bày:

Qua quá trình quen biết và tìm hiểu nhau, ông và Bà D đã xác lập quan hệ vợ chồng vào năm 1990, nhưng do gia đình hai bên phản đối và cũng không am hiểu về pháp luật hôn nhân gia đình, nên ông bà không có tổ chức lễ cưới và cũng không đi đăng ký kết hôn. Sau khi xác lập quan hệ vợ chồng từ năm 1990 cho đến nay, cả hai sống tại ấp A, xã A, huyện Đ, tỉnh L. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc, đến năm 2005 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do bất đồng trong quan điểm sống, nên cả hai thường xuyên cãi vã. Mặc dù, ông đã cố gắng nhường nhịn để hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng không có kết quả, từ đó làm cho cuộc sống chung không hạnh phúc. Nay vợ chồng không còn ai quan tâm chăm sóc nhau, cả hai đã không còn sống chung từ năm 2005, trong thời gian này cũng không tới lui quan tâm chăm sóc nhau, nên ông yêu cầu không công nhận ông và Bà Nguyễn Thị Ngọc D là vợ chồng.

Về nuôi con chung: Có 02 con chung tên Trương Định, sinh ngày 28/12/1992 và Trương Minh Hiếu, sinh ngày 10/11/1998, hiện nay con chung đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về chia tài sản chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về chia nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại Bản tự khai ngày 20 tháng 11 năm 2023 và trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn Bà Nguyễn Thị Ngọc D trình bày:

Do quen biết và được gia đình hai bên đồng ý nên bà và Ông Đ đã xác lập quan hệ vợ chồng, không có tổ chức lễ cưới, không đăng ký kết hôn. Sau khi cưới thì cả hai cất nhà riêng và sinh sống tại ấp A, xã A, huyện Đ, tỉnh L.

Trong quá trình chung sống vợ chồng có nhiều mâu thuẫn do tính tình không hợp nhau, thường xuyên cãi vã gay gắt mặc dù cả hai đã cố gắng hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng không thành. Vợ chồng đã không sống chung từ năm 2005, nhận thấy hiện nay tình cảm cả hai không còn, nên trước yêu cầu không công nhận vợ chồng của Ông Đ bà cũng đồng ý.

Về nuôi con chung: Có 02 con chung tên Trương Định, sinh ngày 28/12/1992 và Trương Minh Hiếu, sinh ngày 10/11/1998, hiện nay con chung đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về chia tài sản chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về chia nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa như sau:

- Về tố tụng: Tòa án thụ lý giải quyết vụ án, thực hiện hòa giải, tổng đạt các văn bản tố tụng, xác định quan hệ tranh chấp, người tham gia tố tụng là đúng

quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử cũng như Thư ký Tòa án tham gia giải quyết vụ án đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật tố tụng nên đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết vụ án theo quy định.

- Về nội dung: Về quan hệ hôn nhân Ông Đ yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng Bà D đồng ý chứng tỏ mâu thuẫn hôn nhân trầm trọng, như vậy đủ chứng cứ chứng minh cho yêu cầu của Ông Đ là có cơ sở chấp nhận.

Về nuôi con chung: Có 02 con chung tên Trương Định, sinh ngày 28/12/1992 và Trương Minh Hiếu, sinh ngày 10/11/1998, hiện nay con chung đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết. Từ những phân tích trên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 09, Điều 14 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ông Đ.

Tại phiên tòa hôm nay, Ông Trương Văn Đ và Bà Nguyễn Thị Ngọc D đều có đơn xin xét xử vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Ông Trương Văn Đ khởi kiện yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng với Bà Nguyễn Thị Ngọc D, xét thấy Bà D hiện đang cư trú tại ấp A, xã A, huyện Đ, tỉnh L. Căn cứ khoản 7 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, đây là vụ án tranh chấp hôn nhân gia đình về việc ” yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

[2] Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Ông Trương Văn Đ và bị đơn Bà Nguyễn Thị Ngọc D có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử sẽ căn cứ vào lời trình bày cũng như chứng cứ mà các đương sự cung cấp để giải quyết vụ án.

[3] Về việc tham gia tố tụng của các đương sự trong vụ án: Ông Trương Văn Đ có đơn khởi kiện yêu cầu không công nhận vợ chồng với Bà Nguyễn Thị Ngọc D, xác định Ông Đ là nguyên đơn, Bà D là bị đơn.

[4] Xét về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[4.1] Về nguyên nhân mâu thuẫn: Ông Đ và Bà D chung sống với nhau trên cơ sở tự nguyện từ năm 1990 và có với nhau 02 con chung nhưng không làm thủ tục đăng ký kết hôn tại Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền. Theo quy định tại khoản 1 Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình quy định: “Việc kết hôn

phải được đăng ký và do cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện. Việc kết hôn không được đăng ký theo quy định thì không có giá trị pháp lý”. Ủy ban nhân dân xã An Ninh Tây cũng xác nhận Ông Đ và Bà D sống với nhau từ năm 1990, nhưng không có đăng ký kết hôn tại Ủy ban dân xã An Ninh Tây. Vì vậy, quan hệ giữa Ông Đ và Bà D không được pháp luật công nhận là vợ chồng. Quá trình chung sống, ông bà chung sống hạnh phúc đến năm 2005 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống nên vợ chồng thường xuyên cãi vã. Ông bà đã không sống chung với nhau từ năm 2005, không còn quan hệ về tình cảm và kinh tế. Do đó, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không công nhận quan hệ giữa Ông Đ và Bà D là quan hệ vợ chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4.2] Về nuôi con chung: Có 02 con chung tên Trương Định, sinh ngày 28/12/1992 và Trương Minh Hiếu, sinh ngày 10/11/1998. Hiện con chung đã trưởng thành, cả hai không yêu cầu Tòa án giải quyết hơn nữa ông bà xác định con chung có đủ năng lực hành vi dân sự và không bị mất khả năng lao động nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4.3] Về chia tài sản, nợ chung: Ông Đ Bà D xác định quá trình chung sống ông bà không có tài sản chung, không có nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Ông Trương Văn Đ phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Điều 26, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp và quản lý sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 244, 266, 277 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 9, 14, 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 26, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp và quản lý sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ông Trương Văn Đ.

[1] Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa Ông Trương Văn Đ và Bà Nguyễn Thị Ngọc D.

[2] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Ông Trương Văn Đ phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ 300.000

đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0005271 ngày 10 tháng 11 năm 2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đức Hòa, tỉnh Long An. Ông Trương Văn Đ đã nộp xong án phí.

[3] Về quyền kháng cáo và thời hạn kháng cáo đối với bản án: Án xét xử sơ thẩm công khai, đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án và đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Long An xét xử phúc thẩm vụ án.

[4] Về việc thi hành án: Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Đức Hòa;
- Chi cục THADS huyện Đức Hòa;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Ngọc Hiền